

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH HÁN NÔM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4118 /QĐ-ĐT, ngày 30 tháng 11 năm 2012
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Hán Nôm

+ Tiếng Anh: Sino - Nom

- Mã số ngành đào tạo: 52220104

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Hán Nôm

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Sino - Nom

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Hán Nôm nhằm đào tạo cử nhân Hán Nôm có phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn vững vàng, đảm nhận các công tác: sưu tầm, bảo quản, phiên dịch, nghiên cứu, khai thác, giảng dạy Hán Nôm...

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình này được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc tiếp cận và xử lý văn bản Hán Nôm cả ở phương diện văn bản học cũng như minh giải và khai thác văn bản Hán Nôm, phục vụ công cuộc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong điều kiện hội nhập và giao lưu quốc tế.

3. Thông tin tuyển sinh

Thi tuyển sinh 2 khối - khối C (3 môn: Văn, Sử, Địa); Khối D (3 môn: Văn, Toán, Ngoại ngữ) theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Hiểu biết những kiến thức liên ngành về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học công nghệ

- Nắm được kiến thức cơ sở về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Có kiến thức cơ sở về kinh tế, xã hội, nhà nước và pháp luật.
- Hiểu những kiến thức của khoa học tự nhiên trong xử lý các dữ kiện của khoa học xã hội.

1.2. Kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn

- Nắm được kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong khoa học xã hội.
- Nắm được kiến thức cơ bản của một số ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành Hán Nôm (cơ sở văn hoá Việt Nam, xã hội học đại cương, lịch sử văn minh thế giới, lịch sử Việt Nam...), bước đầu có khả năng vận dụng tri thức và phương pháp liên ngành trong tiếp cận và nghiên cứu Hán Nôm.

1.3. Kiến thức ngữ văn cơ bản

- Nắm vững các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học, Việt ngữ học; văn học Việt Nam trung đại, biết vận dụng những kiến thức đó vào giải quyết những lĩnh vực cụ thể của chuyên môn.
- Nắm vững một số tri thức đại cương về chữ Hán và chữ Nôm như: lược sử chữ Hán, diễn biến hình thể chữ Hán, lục thư và bộ thủ, quy tắc bút thuận, đại cương về chữ Nôm...

1.4. Kiến thức Hán Nôm

Có những nhận thức cơ bản nhất về Hán Nôm, về ngành Hán Nôm thông qua các yếu tố cấu thành của chuyên môn Hán Nôm như Hán văn Trung Quốc, văn bản Hán văn Việt Nam, chữ Nôm và văn bản Nôm...

- Kiến thức về Hán văn Trung Quốc

- Biết được một cách khái lược các vấn đề về văn bản, từ ngữ, văn pháp, nội dung chủ yếu của Tứ thư (*Luận ngữ, Đại học, Trung dung, Mạnh Tử*), Ngũ kinh (*Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu - Tả truyện*) thông qua minh giải những trích đoạn tiêu biểu nhằm vận dụng vào việc đọc văn bản Hán Nôm.

- Minh giải một số trích tuyển Hán văn Trung Quốc tiêu biểu theo lịch đại và trường phái; có khả năng vận dụng được vào đọc văn bản Hán Nôm.

- Kiến thức về Hán văn Việt Nam và văn bản Hán văn Việt Nam

- Hiểu được một cách đại lược diễn trình, chức năng, sự phân kì, đặc điểm cơ bản cũng như các tác giả chủ yếu của Hán văn Việt Nam.

- Có khả năng minh giải và phân tích những điểm cơ bản nhất của một số văn bản Hán văn Việt Nam tiêu biểu cho từng thời kì và phong cách: Hán văn Việt Nam thế kỉ X – XIV, Hán văn Việt Nam thế kỉ XV – XVIII, Hán văn Việt Nam thế kỉ XIX - XX.

- Kiến thức về chữ Nôm và văn bản Nôm

- Nắm vững kiến thức cơ bản về chữ Nôm và văn bản Nôm trên các phương diện: nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến...; Thực hành phiên Nôm và phân tích một số văn bản Nôm qua các thời kì.

- Kiến thức lí thuyết chuyên môn

- Nắm được những kiến thức cơ bản về: di sản Hán Nôm, văn bản học Hán Nôm, văn tự học Hán Nôm, ngữ pháp văn ngôn,...

1.5. Kiến thức văn hoá truyền thống

- Có kiến thức về cơ sở văn hoá Việt Nam cũng như các tri thức nhất định về tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống.

- Có kiến thức cơ bản về Tam giáo (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo) trên các phương diện: lịch sử, tư tưởng cơ bản, nhân vật chủ yếu, thư tịch tiêu biểu...

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

2.1.1. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Có khả năng phát hiện và khái quát hoá vấn đề từ thực tiễn.
- Biết cách tìm kiếm, tra cứu tài liệu chuyên môn bằng các công cụ tìm kiếm trên internet cũng như trong thư viện...
- Biết sử dụng các công cụ cho việc tra cứu: sách công cụ, dữ liệu Hán Nôm được số hóa, máy tính, internet...
- Có các kĩ năng cơ bản về giám định văn bản Hán Nôm.
- Có khả năng giới thiệu, mô tả văn bản; chêm câu, phiên âm, dịch nghĩa, chú giải và phân tích được các văn bản Hán Nôm thông thường.

2.1.2. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Bước đầu có khả năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu Hán Nôm và phương pháp liên ngành trong nghiên cứu Hán Nôm.

- Bước đầu có khả năng khai thác văn bản Hán Nôm.

2.1.3. Khả năng tư duy hệ thống

- Bước đầu có khả năng phân tích, đánh giá và khai thác các giá trị nhiều mặt của di sản Hán Nôm Việt Nam trên cơ sở vận dụng những kiến thức bên trong Hán Nôm (Hán Nôm nội tại) cũng như những kiến thức bên ngoài Hán Nôm (Hán Nôm ngoại tại) về các phương diện lịch sử, xã hội, văn hóa trong các mối liên hệ theo tư duy và cách nhìn hệ thống nhằm khai thác các giá trị văn hóa truyền thống đang được lưu giữ trong di sản Hán Nôm, phục vụ các yêu cầu của cuộc sống Việt Nam, góp phần đảm bảo sự liên tục về văn hóa dân tộc giữa truyền thống và hiện đại theo những lí thuyết nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành hiện đại.

2.1.4. Năng lực vận dụng kiến thức lí luận vào thực tiễn

- Nắm được đặc điểm cơ bản của các loại hình văn bản Hán Nôm thông dụng và các phương pháp khảo sát văn bản Hán Nôm trên thực tế.

- Biết cách sưu tầm, xử lí văn bản Hán Nôm trên thực tế: đăng kí, lập danh mục, lên sơ đồ, ghi chép tóm lược nội dung và thông tin cơ bản từ văn bản, sao chụp, in rập thác bản, bảo quản văn bản...

2.1.5. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Chủ động tìm tòi, sáng tạo trong tiếp cận, giải mã, khai thác và phát hiện các giá trị nhiều mặt của di sản Hán Nôm Việt Nam về phương diện văn bản và văn bản học.

- Trang bị kiến thức của các ngành gần, liên ngành và ngoại ngữ cũng như năng lực tư duy hệ thống, biết vận dụng những tri thức Hán Nôm đã có cho sự thay đổi trong nghề nghiệp, chuyển đổi ngành học và học thêm các chuyên ngành kế cận để có thêm văn bằng tương ứng, đáp ứng với yêu cầu tìm việc theo yêu cầu của xã hội một cách rộng rãi hơn ở các lĩnh vực như: công tác quản lí và bảo vệ văn hóa, công tác bảo tồn bảo tàng và lưu trữ, công tác truyền thông báo chí, biên dịch, tổ chức các sự kiện văn hóa và du lịch liên quan đến văn hóa truyền thống, công tác giáo dục ngữ văn và lịch sử ở các cấp học...

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Biết và chủ động tham gia các nhóm trong các hoạt động: học tập, nghiên cứu, điền dã và các hoạt động đoàn thể, xã hội.

- Có khả năng thành lập các nhóm nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động chuyên môn, hoạt động xã hội và văn hóa.

- Có khả năng tổ chức và quản lý tiến trình hoạt động của nhóm.

2.2.2. Kỹ năng giao tiếp

- Có năng lực tư duy cũng như năng lực diễn đạt chính xác, trong sáng những vấn đề được tư duy, trình bày mạch lạc các vấn đề chuyên môn, sử dụng được các công cụ hỗ trợ khi trình bày.

- Viết đúng chính tả, ngữ pháp, mạch lạc.

- Xây dựng được mối quan hệ bạn bè, đồng nghiệp, xã hội.

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

Tiếng Trung Quốc, đạt tương đương chuẩn B1 Khung tham chiếu châu Âu đối với tiếng Anh.

- Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Trung Quốc.

- Đọc được tài liệu chuyên môn cơ bản bằng tiếng Trung Quốc.

2.2.4. Các kỹ năng mềm khác

- Có kỹ năng tin học văn phòng cơ bản.

- Có kỹ năng tin học ứng dụng chuyên ngành Hán Nôm.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Là công dân tốt, hiểu biết và tuân thủ hiến pháp, pháp luật, các quy định, quy chế hữu quan.

- Nhận thức và ứng xử theo các chuẩn mực đạo đức xã hội.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trân trọng các giá trị văn hoá truyền thống.

- Trung thực trong khoa học; độc lập, tự tin, sáng tạo trong công việc.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Ý thức được trách nhiệm của chuyên môn Hán Nôm trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống.

- Có trách nhiệm và bảo đảm uy tín trong công việc chuyên môn.

5. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học ngành Hán Nôm có thể đảm nhận các công tác như: sưu tầm, bảo quản, phiên dịch, nghiên cứu, khai thác, giảng dạy Hán Nôm tại các viện nghiên cứu; các trường đại học, cao đẳng; các cơ quan văn hoá, lưu trữ, thông tin... ; các cơ quan nhà nước; các tổ chức và đoàn thể xã hội có nhu cầu.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 135 tín chỉ, trong đó:

- **Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:** 27 tín chỉ
(Không tính các môn học GDTC và GDQP-AN, kỹ năng mềm)
- **Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:** 23 tín chỉ
 - + *Bắt buộc:* 17 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 6/8 tín chỉ
- **Khối kiến thức chung của khối ngành:** 17 tín chỉ
 - + *Bắt buộc:* 12 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 5/13 tín chỉ
- **Khối kiến thức chung của nhóm ngành:** 15 tín chỉ
 - + *Bắt buộc:* 11 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 4/10 tín chỉ
- **Khối kiến thức ngành và bổ trợ:** 45 tín chỉ
 - + *Bắt buộc:* 36 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 9/21 tín chỉ
- **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:** 8 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (Không tính các môn học từ số 9 đến số 11)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405	Tiếng Anh A1 Tiếng Nga A1 Tiếng Pháp A1 Tiếng Trung A1	4	16	40	4	
7	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406	Tiếng Anh A2 Tiếng Nga A2 Tiếng Pháp A2 Tiếng Trung A2	5	20	50	5	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405
8	FLF1107 FLF1207 FLF1307 FLF1407	Tiếng Anh B1 Tiếng Nga B1 Tiếng Pháp B1 Tiếng Trung B1	5	20	50	5	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
11		Kĩ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	23				
II.1		Bắt buộc	17				
12	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	42	3		
13	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	33	12		
14	PSY1050	Tâm lí học đại cương	2	30			
15	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	10		
16	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
17	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1004
18	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		
II.2		Tự chọn	6/8				
19	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	
20	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
21	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	
22	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	10	10	10	
III		Khối kiến thức chung của khối ngành	17				
III.1		Bắt buộc	12				
23	SIN1001	Hán Nôm cơ sở	3	30	15		
24	LIN2033	Dẫn luận ngôn ngữ học	3	45			
25	LIT1100	Nghệ thuật học đại cương	3	45			
26	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	42	3		

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
III.2		Tự chọn	5/16				
27	LIN1100	Việt ngữ học đại cương	2	30			
28	LIN2007	Phong cách học tiếng Việt	2	30			
29	LIT1101	Văn học Việt Nam đại cương	3	45			
30	ANT1100	Nhân học đại cương	3	39	6		
31	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	39	6		
32	PHI1100	Mĩ học đại cương	3	39	6		
IV		Khối kiến thức chung của nhóm ngành	15				
IV.1		Bắt buộc	11				
33	LIT3005	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVIII	3	45			
34	LIT3050	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX	4	60			
35	SIN3007	Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo	4	60			SIN1001
IV.2		Tự chọn	4/10				
36	SIN3033	Tin học Hán Nôm	2	15	15		INT1004 SIN1001
37	LIT2012	Văn học Trung Quốc từ cổ đại đến đời Đường	2	30			
38	SIN3028	Lí luận văn học cổ phương Đông	2	30			SIN1001
39	SIN3030	Giới thiệu và phân tích kho sách Hán Nôm	2	30			SIN1001
40	SIN3027	Giáo dục và khoa cử Việt Nam	2	30			SIN1001
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ	45				
V.1		Bắt buộc	36				
41	SIN3041	Văn tự học Hán Nôm	3	45			SIN1001
42	SIN3005	Văn bản học Hán Nôm	2	30			SIN1001
43	SIN3004	Ngữ pháp văn ngôn	2	30			SIN1001
44	SIN3042	Tứ thư 1 (Luận ngữ - Mạnh Tử)	4	45	15		SIN1001
45	SIN3043	Tứ thư 2 (Đại học – Trung dung)	3	30	15		SIN1001
46	SIN3044	Ngũ kinh 1 (Thi – Thư)	4	45	15		SIN1001
47	SIN3045	Ngũ kinh 2 (Lễ - Dịch)	4	60			SIN1001
48	SIN3046	Ngũ kinh 3 (Xuân Thu Tả truyện)	2	30			SIN1001
49	SIN3047	Hán văn Việt Nam thế kỉ X – XIV	2	30			SIN1001
50	SIN3019	Hán văn Việt Nam thế kỉ XV – XVIII	3	45			SIN1001

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
51	SIN3048	Hán văn Việt Nam thế kỉ XIX – XX	2	30			SIN1001
52	SIN3022	Văn bản chữ Nôm	3	45			SIN1001
53	SIN3023	Niên luận	2	10	10	10	SIN1001
V.2		Tự chọn	9/21				
54	SIN3006	Từ chương học Hán Nôm	3	45			SIN3004
55	SIN3049	Đường thi - Cổ văn	3	45			SIN1001
56	SIN3050	Tản văn triết học Tống – Minh	3	45			SIN1001
57	SIN3051	Thực hành văn bản Hán Nôm	3	30	15		SIN3022
58	SIN3052	Chư Tử	3	45			SIN1001
59	SIN3053	Lịch sử kinh học Nho gia	3	45			SIN3042 SIN3044
60	SIN3054	Thẻ tài văn bản Hán Nôm	3	45			SIN1001
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	8				
61	SIN4055	Thực tập	3	9	27	9	SIN1001
62	SIN4052	Khoá luận tốt nghiệp	5				
		<i>Các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>					
63	SIN4053	Phân tích văn bản Hán văn	3	30		15	
64	SIN4054	Phân tích văn bản chữ Nôm	2	20		10	
Tổng số			135				